



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 28 (10/07-14/07/23)

*VN-Index chưa thoát khỏi xu hướng phân hóa
và giao dịch giằng co*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index chưa thoát khỏi xu hướng phân hóa và giao dịch giằng co*

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index kiểm tra đỉnh ngắn hạn trong năm với thanh khoản trung bình*

4. TIN VĨ MÔ: *Tín dụng vào kinh doanh bất động sản trong 5 tháng đầu năm tăng 14%*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Tài nguyên cơ bản +17.13%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index chưa thoát khỏi xu hướng phân hóa và giao dịch giằng co

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1138.07	1.60%
GTGD/phần (tỷ VND)	13,768.71	-4.39%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1858.61	
HNX-INDEX	225.82	-0.66%
GTGD/phần (tỷ VND)	1406.59	-1.28%
Khối ngoại (tỷ VND)	-10.88	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4398.95	-0.29%	0.06%	3.08%
EU (EURO STOXX)	4236.60	0.32%	-3.69%	-1.24%
China (SHCOMP)	3196.61	-0.28%	-0.17%	-0.04%
Japan (NIKKEI)	32388.42	-1.17%	-2.41%	0.38%
Korea (KOSPI)	2526.71	-1.16%	-1.47%	-4.33%
Singapore (STI)	3139.47	-0.35%	-2.07%	-1.48%
Thailand (SET)	1490.51	0.00%	-0.84%	-4.15%
Phillipines (PCOMP)	6379.03	-1.47%	-1.38%	-2.83%
Malaysia (KLCI)	1377.67	-0.60%	0.07%	0.22%
Indonesia (JCI)	6716.46	-0.60%	0.82%	1.47%
Vietnam (VNIndex)	1138.07	1.05%	1.60%	2.76%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phần	HĐM^ / phần
VN30F2312	1107.90	-1.91%	16,573	59,185
VN30F2305	1125.00	-0.39%	75	2,467
VN30F2306	1122.00	-0.66%	4	568
VN30F2309	1111.10	-1.62%	5	669

TTCK VIỆT NAM

VN-Index nhích tăng dần nhờ nâng đỡ từ nhóm cổ phiếu Ngân hàng

Thị trường diễn biến giằng co với biên độ rộng. VN-Index kịp hồi phục sau 1 phiên rung lắc mạnh và vẫn ghi nhận mức tăng 1.6%. Xu hướng và tâm lý dần ổn định với sự dẫn dắt của cổ phiếu Ngân hàng và lan tỏa sang các nhóm cổ phiếu khác. 14/19 ngành tăng điểm, dẫn đầu là ngành hóa chất, dầu khí và bán lẻ với mức tăng lần lượt 6.9%, 5.5% và 5%. Cổ phiếu có vốn hóa vừa thuộc các ngành chưa tăng hoặc đã có thời gian tích lũy đang hút dòng tiền. Khối ngoại bán ròng trên 1 nghìn tỷ đang kìm hãm đà hồi phục của chỉ số. VN-Index còn tiếp tục giằng co trước mùa công bố KQKD, để có thể tiến tới các ngưỡng kháng cự tiếp theo tại 1,150 và 1,200 điểm. NĐT cân nhắc chuyển dịch sang nhóm cổ phiếu vừa theo vận động của dòng tiền. Bộ KH-ĐT xây dựng 2 kịch bản tăng trưởng GDP ở mức 6% và 6.5% (quý III và quý IV lần lượt 6.8%, 9% và 7.4%, 10.3%). 2 kịch bản này đều rất thách thức trong bối cảnh hiện tại. Các nhóm giải pháp 6 tháng cuối năm gồm: (1) Tăng cường phân tích dự báo quốc tế, trong nước; (2) Giữ bằng được ổn định vĩ mô, tập trung điều hành hàng hóa, chính sách tài khóa, tiền tệ và (3) Rà soát động lực tăng trưởng, tháo gỡ cho doanh nghiệp và động lực xuất khẩu. Khó khăn của nền kinh tế cũng phản ánh qua cầu tín dụng của nền kinh tế. Mặc dù NHNN đã thực hiện 4 lần hạ lãi suất nhưng tăng trưởng tính 6 tháng mới tăng 4.2% so với mục tiêu 14-15% do một số lý do như suy giảm đầu tư và tiêu dùng; Tồn kho, thiếu đơn hàng, TT BĐS chưa sôi động và Doanh nghiệp vừa nhỏ khó tiếp cận tín dụng.

TTCK THẾ GIỚI

Down Jones ghi nhận tuần giảm điểm mạnh nhất kể từ tháng 3

Thu nhập bình quân giờ làm tăng và tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục giảm càng củng cố cho quan điểm tiếp tục tăng lãi suất trước đó của FED. DJ có mức giảm mạnh 1.9% so với mức giảm bình quân 1.3% của các chỉ số CK Hoa Kỳ. TTCK Châu Âu và Châu Á cũng đều đồng loạt giảm điểm. Chỉ số EU600 giảm 3.1% trong khi Nhật Bản và HongKong dẫn đầu mức giảm Châu Á, lần lượt ghi nhận giảm 2.4% và 2.9%. Chỉ số DXY quay đầu giảm nhẹ 0.6% và vẫn giảm 4.4%yoy. Giá năng lượng hồi phục mạnh giúp chỉ số hàng hóa tăng 2.2%. Các thị trường vẫn xoay quanh thông tin dự đoán về việc FED tăng lãi suất trong kỳ họp tháng 7. Những thông vĩ mô Trung Quốc công bố tuần tới ảnh hưởng đến các thị trường. Biên bản FOMC tháng 6 cho thấy sự bất đồng nội FED. 16/18 thành viên dự báo ít nhất có 1 đợt tăng lãi suất và 12 thành viên dự báo có ít 2 đợt tăng trong năm 2023. Các thành viên ủng hộ tăng 0.25% khi thị trường lao động thiếu nhân lực, nền kinh tế vững và ít dấu hiệu cho thấy lạm phát giảm về mức mục tiêu 2%. Nhiều thành viên cũng cho rằng FED nên hãm tốc độ siết chặt chính sách để có thêm thời gian đánh giá tác động. Khảo sát CNBC với 400 nhà quản lý quỹ, 61% cho rằng thị trường bước vào đợt tăng giá mới và kinh tế Hoa Kỳ sẽ vượt qua suy thoái năm 2023. TTCK vượt qua thử thách tăng lãi suất, trần nợ công và đổ vỡ ngân hàng từ đầu năm, những dữ liệu kinh tế không tiêu cực như dự báo dần mang lại niềm tin cho phố Wall.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

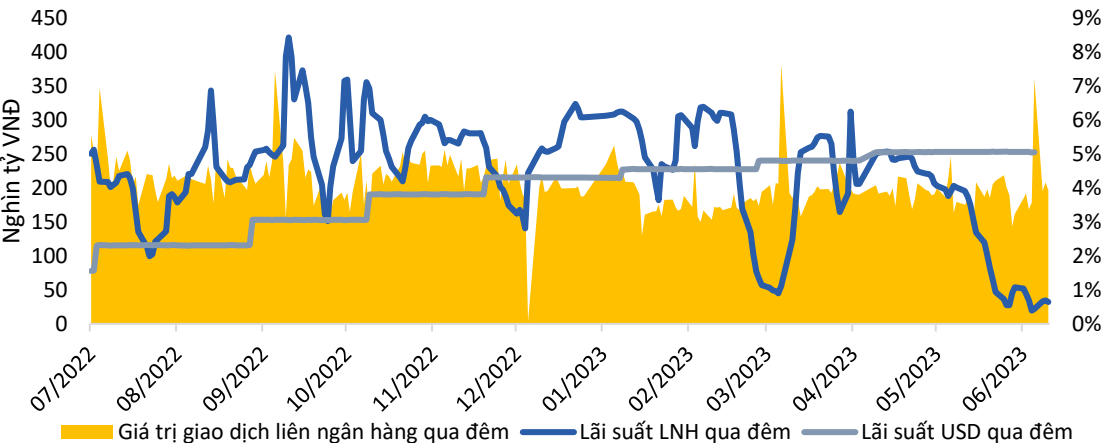
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 20	15/5/2023	19/5/2023	7,103.55	20,000.00	12,896.45
Tuần 21	22/5/2023	26/5/2023	753.48	49,547.41	48,793.93
Tuần 22	29/5/2023	1/6/2023	547.61	25,514.48	24,966.87
Tuần 23	6/5/2023	6/9/2023	1,354.88	16,900.00	15,545.12
Tuần 24	12/6/2023	16/6/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 25	19/6/2023	23/6/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 26	26/6/2023	30/6/2023	293.83	0.00	-293.83
Tuần 27	3/7/2023	7/7/2023	0.00	0.00	0.00

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.66%	1.07%	1.58%	3.04%	5.14%	6.66%	8.10%
So với tuần trước	-0.03%	-0.51%	0.01%	-0.91%	-0.24%	-0.14%	0.01%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	200,549.67	13,962	4,306	3,433	1,637	163	1
So với tuần trước	-7.63%	-59.58%	14.77%	159.90%	-11.76%	-82.68%	-95%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 05/07/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 27, 0 giá trị tín phiếu được phát hành. Đồng thời, SBV không thực hiện mua giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã hút ròng 293.83 tỷ đồng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 0.66%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 200.55 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: VN-Index kiểm tra đỉnh ngắn hạn trong năm với thanh khoản trung bình

Đồ thị ngày: Sau 2 phiên điều chỉnh, VN-Index tiếp tục phản ứng tốt SM20 và bật tăng hướng tới kiểm tra vùng đỉnh ngắn hạn 1,140 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật hồi phục nhẹ tuy nhiên thanh khoản có xu hướng giảm trong vùng tích lũy. Dải bollinger thu hẹp và hướng nhẹ lên trên. Dù vậy dấu hiệu phân kỳ có thể xuất hiện khi giá vượt vùng đỉnh ngắn hạn tại 1,140 điểm.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ mức 56 lên 64 điểm.
- MACD cắt dưới đường tín hiệu và giữ trên mức 0. Thanh khoản giảm nhẹ 7% so tuần trước.
- VN-Index vượt qua trên các đường SMA đồ thị ngày, giá bám dải bollingerband trên.

Nhận định: Vận động giằng co, VN-Index đã có 2 tuần tích lũy trong khoảng 1,120 – 1,140 điểm. Lực cầu bắt đáy tích cực giúp cho chỉ số tích lũy ổn định trong vùng tích lũy bất chấp áp lực chốt lãi và khối ngoại bán ròng. Thị trường vẫn cần 1 phiên chỉ hướng hướng để vượt vùng tích lũy tiến tới các vùng kháng cự tiếp theo lần lượt tại 1,150 và 1,200 điểm. Hoạt động rung lắc còn có thể diễn ra khi dấu hiệu phân kỳ xuất hiện khi giá vượt đỉnh ngắn hạn.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *Tín dụng vào kinh doanh bất động sản trong 5 tháng đầu năm tăng 14%*

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU VĨ MÔ THÁNG 7/2023:



VIỆT NAM:

- Chủ tịch Quốc hội: Ký ban hành Nghị quyết 98 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP.HCM. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 1/8/2023. Theo đó, nhà đầu tư chiến lược phải đáp ứng một trong các điều kiện: Có vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng trở lên khi thực hiện dự án và có kinh nghiệm trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.
- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Tín dụng vào kinh doanh bất động sản trong 5 tháng đầu năm tăng 14%. Tuy nhiên, tín dụng cho tiêu dùng bất động sản trong 5 tháng lại giảm 1.32%, trong khi cùng kỳ năm ngoái tăng tới 15%.
- Thứ trưởng Bộ Tài chính: Đã thực hiện ký kết với Nhật Bản 3 thỏa thuận vay cho 3 chương trình, dự án với tổng trị giá lên tới gần 61 tỷ yên, bao gồm: vay hỗ trợ ngân sách trị giá 50 tỷ yên cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam hậu COVID-19 và 2 thỏa thuận vay cho các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại Bình Dương và Lâm Đồng.
- Bộ tài chính: ban hành Thông tư số 44/2023/TT-BTC quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Theo đó, tiếp tục giảm mức thu từ 10% - 50% so với mức thu hiện hành đối với 36 khoản phí, lệ phí. Thời gian áp dụng từ 1/7/2023 đến hết 31/12/2023.
- Các ngân hàng hạ dự báo tăng trưởng tín dụng cả năm 2023 xuống 12.5%.
- Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam: 6 tháng đầu năm nay, ngành du lịch đón gần 5.6 triệu lượt khách quốc tế, đạt 69% kế hoạch năm.
- TP.HCM: Sẽ có 8 trung tâm logistic với tổng diện tích hơn 750 ha. TP.HCM đặt mục tiêu phát triển logistics trở thành một ngành dịch vụ mũi nhọn, với mức tăng trưởng doanh thu đạt 15% vào năm 2025 và đạt 20% vào năm 2030.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: PMI dịch vụ tháng 6/2023 đạt 54.4 điểm.
- Hoa Kỳ: Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần kết thúc vào ngày 30/6 ghi nhận con số 248 nghìn, cao hơn mức 245 nghìn ước tính.
- Hoa Kỳ: Hồ sơ xin vay thế chấp MBA trong tuần kết thúc ngày 30/6: -4.4% (trước đó: +3%).
- Hoa Kỳ: Cán cân thương mại quốc tế tháng 5 của Mỹ thâm hụt 69 tỷ đô, thu hẹp từ mức 74.6 tỷ đô của tháng trước.
- Hoa Kỳ: PCE tháng 5/2023 +3.8% YoY (trước đó: +4.3% YoY). PCE lõi +4.6% YoY (trước đó: +4.7% YoY)
- Eurozone: CPI và CPI lõi tháng 6/2023 lần lượt +5.5% YoY (tháng 5: +6.1% YoY) và +5.4% YoY (tháng 5: +5.3% YoY)
- Eurozone: Tỷ lệ thất nghiệp tháng 5/2023 đạt 6.5% như dự kiến, không thay đổi so với tháng trước.
- Trung Quốc: Tháng 6/2023, PMI sản xuất đạt 49 điểm (trước đó: 48.8 điểm), PMI phi sản xuất đạt 50.8 điểm (trước đó: 54.5 điểm)
- Trung Quốc: PMI dịch vụ Caixin tháng 6/2023 đạt 50.3 điểm (dự báo: 50.7 điểm, trước đó: 50.7 điểm).

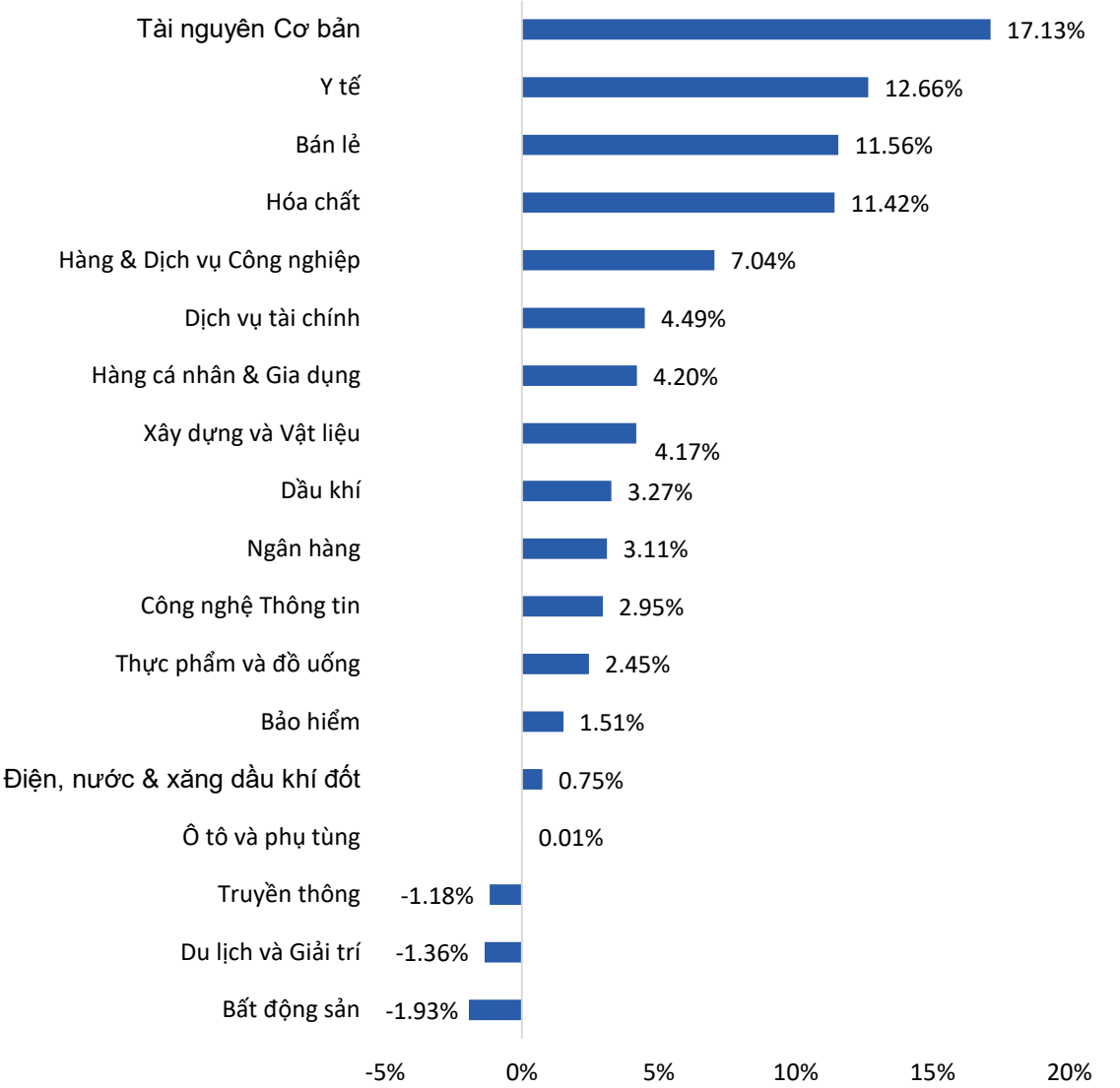
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Dòng tiền vận động phân hóa trước mùa công bố KQKD quý II;
- Thông tin thêm về lãnh đạo các công ty năng lượng tái tạo;
- 10/7, CPI, các khoản nợ mới và cùng tiền M2 Trung Quốc. 11/7, Tỷ lệ thất nghiệp, thu nhập lương bình quân Anh. 12/7, Lãi suất điều hành NewZealand; CPI và dữ trữ đầu thô Hoa Kỳ; Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ NHTW Canada. 13/7, Tỷ lệ thất nghiệp Australia; GDP Anh; PPI và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 14/7, Chỉ số sản xuất công nghiệp, doanh thu bán lẻ và GDP Trung Quốc.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Tài nguyên Cơ bản	1.96%	17.13%	17.13%	HPG	4.97%	HSG	4.56%
Y tế	1.51%	12.66%	12.66%	DBD	2.71%	PME	0.38%
Bán lẻ	4.67%	11.56%	11.56%	MWG	5.08%	PNJ	-4.27%
Hóa chất	1.93%	11.42%	11.42%	DRC	1.82%	DGC	6.27%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.61%	7.04%	7.04%	GDM	7.51%	VSC	8.30%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	73.86	2.87%	5.73%	2.21%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	78.47	2.55%	4.06%	2.12%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	258.93	1.79%	3.43%	5.34%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,925.05	0.74%	0.30%	-0.77%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.09	1.62%	1.38%	-1.41%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,317.75	-1.62%	4.11%	11.70%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	649.50	-1.29%	-2.70%	2.08%		AFX
Sữa	USD/cwt	14.52	1.04%	-1.69%	-13.93%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	206.00	0.19%	0.00%	-4.23%	DPR, PHR, HAG, HNG	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	23.53	1.20%	6.57%	-2.73%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	160.90	0.28%	-0.43%	-10.71%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,370.50	1.32%	0.66%	0.93%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,729.00	-0.67%	-0.27%	2.50%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,145.50	0.78%	-0.28%	-3.31%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	824.00	-0.48%	0.30%	8.92%		HPG
Than đá	USD/MT	152.15	-0.59%	-6.43%	0.30%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	529.24	-0.52%	0.03%	-0.16%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC

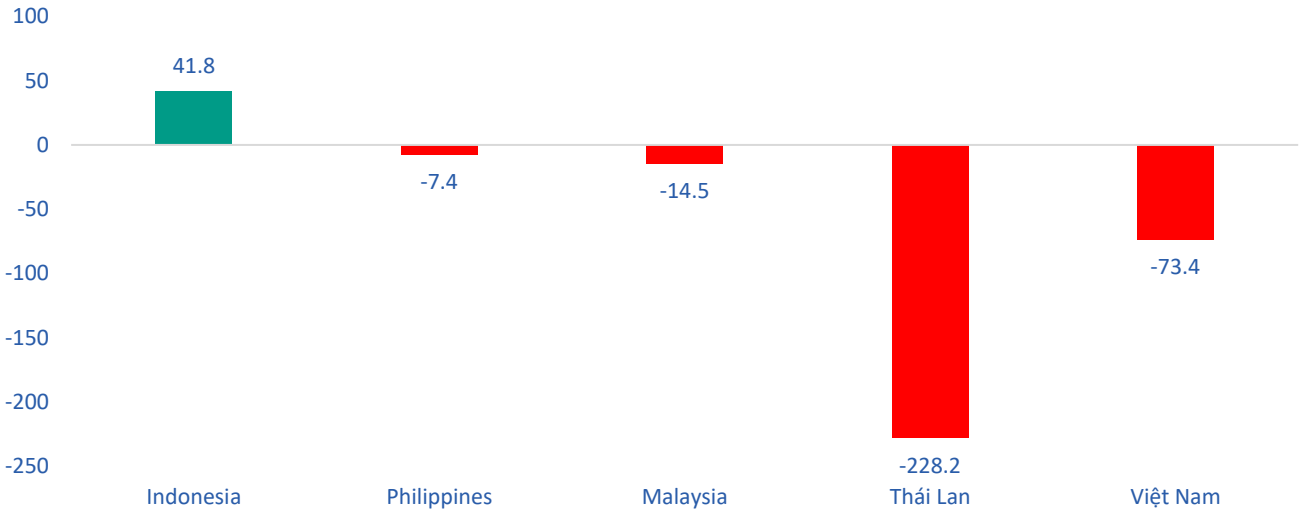


Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(281.7)	(281.7)	(281.7)	(3,726.8)
Indonesia	41.8	41.8	41.8	1132
Philippines	-7.4	-7.4	-7.4	-474.7
Malaysia	-14.5	-14.5	-14.5	-943.8
Thái Lan	-228.2	-228.2	-228.2	-3335
Việt Nam	-73.4	-73.4	-73.4	-105.3
Các nước khác	(973.8)	(973.8)	(973.8)	29,385.6
Hàn Quốc	191.7	191.7	191.7	8136
Đài Loan	-2398.7	-2398.7	-2398.7	8848.6
Ấn Độ	1229.2	1229.2	1229.2	12395.1
Sri Lanka	4	4	4	5.9

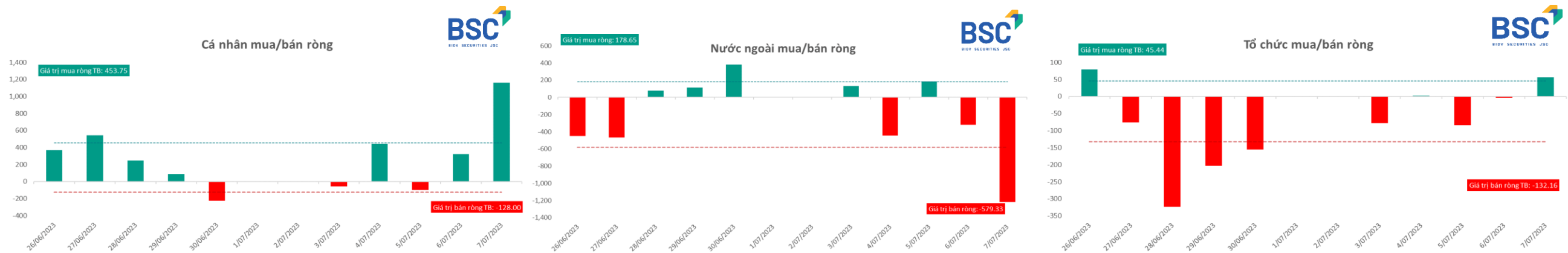


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Mar-23					Apr-23				May-23					Jun-23							
	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	W26	W27	Tổng	
	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(25.56)	(2.27)	12.39	4.28	(7.95)	(19.42)	249.93	
ETF ngoại	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	(16.63)	2.70	5.39	(11.62)	1.82	(17.69)	250.70	
Fubon	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	0.00	(0.19)	(0.58)	0.00	(0.20)	(0.79)	69.91	
VNM	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	0.01	5.22	2.65	1.34	2.02	0.00	74.99	
FTSE	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	0.00	1.52	3.32	0.00	0.00	0.00	63.01	
iShare	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(16.64)	(3.85)	0.00	(12.96)	0.00	(16.90)	42.79	
ETF nội	(1.36)	(11.35)	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(8.93)	(4.97)	7.00	15.90	(9.77)	(1.73)	(0.77)	
Diamond	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(7.94)	(3.50)	5.80	14.10	(1.43)	(0.10)	2.21	
E1	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(0.78)	(3.54)	1.94	0.24	(7.35)	(1.63)	(3.82)	
Finlead	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	(0.21)	2.07	(0.74)	1.56	(0.99)	-	0.84	

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
STB	6,605,398	195.62	KDC	807,310	-50.59	HPG	15,666,000	410.86	VHM	13,822,603	-765.95	VHM	14,988,592	831.01	HPG	21,395,980	-565.14
GEX	7,804,900	149.28	SSI	1,474,501	-38.02	VHC	2,007,200	141.82	EIB	34,247,300	-726.82	EIB	32,745,374	696.23	TCM	3,852,140	-229.41
VCB	719,850	72.85	PTB	293,800	-15.08	SSI	5,421,500	140.76	STB	9,313,300	-273.91	VNM	5,835,733	411.13	GEX	11,682,097	-221.34
VSC	1,773,300	61.51	HCM	497,881	-14.66	GEX	4,454,600	85.92	KDC	3,310,500	-200.38	HDB	20,709,387	384.41	VHC	1,963,600	-138.27
VIB	2,990,400	59.29	E1VFN30	691,200	-14.03	TCM	1,392,428	84.03	PNJ	2,335,100	-171.27	PNJ	2,613,373	192.07	SSI	4,187,516	-109.64
VPB	2,787,499	55.07	FUEVFN30	558,200	-13.63	GMD	1,057,600	57.75	NLG	4,626,300	-148.60	STB	6,170,296	181.82	VGC	2,425,241	-107.59
MCP	1,800,000	50.40	GMD	217,550	-11.76	DCM	1,411,000	38.99	VNM	1,799,300	-127.01	VND	8,949,455	158.45	VSC	2,965,300	-106.97
VNM	688,730	48.49	TDP	330,000	-9.57	PTB	714,900	37.04	POW	5,775,500	-76.20	NLG	3,791,710	121.48	DBC	3,653,926	-85.28
MWG	1,018,699	44.24	BMI	350,000	-8.71	DBC	1,421,200	32.91	HDB	3,887,800	-71.54	PLX	2,290,683	91.43	HSG	4,803,495	-80.75
VRE	1,344,400	36.41	PET	294,414	-8.29	BVH	511,700	23.00	HCM	2,071,100	-59.81	NVL	5,861,228	86.01	VCG	3,491,900	-74.99

HIỆU SUẤT DANH MỤC BSC30, BSC50

Diễn biến BSC30, BSC50:

• **BSC30:** Trong tuần 27, BSC30 +2.02%. Các mã diễn biến tích cực: VHC (+13.85%), GVR (+9.54%), PLX (+7.90%).

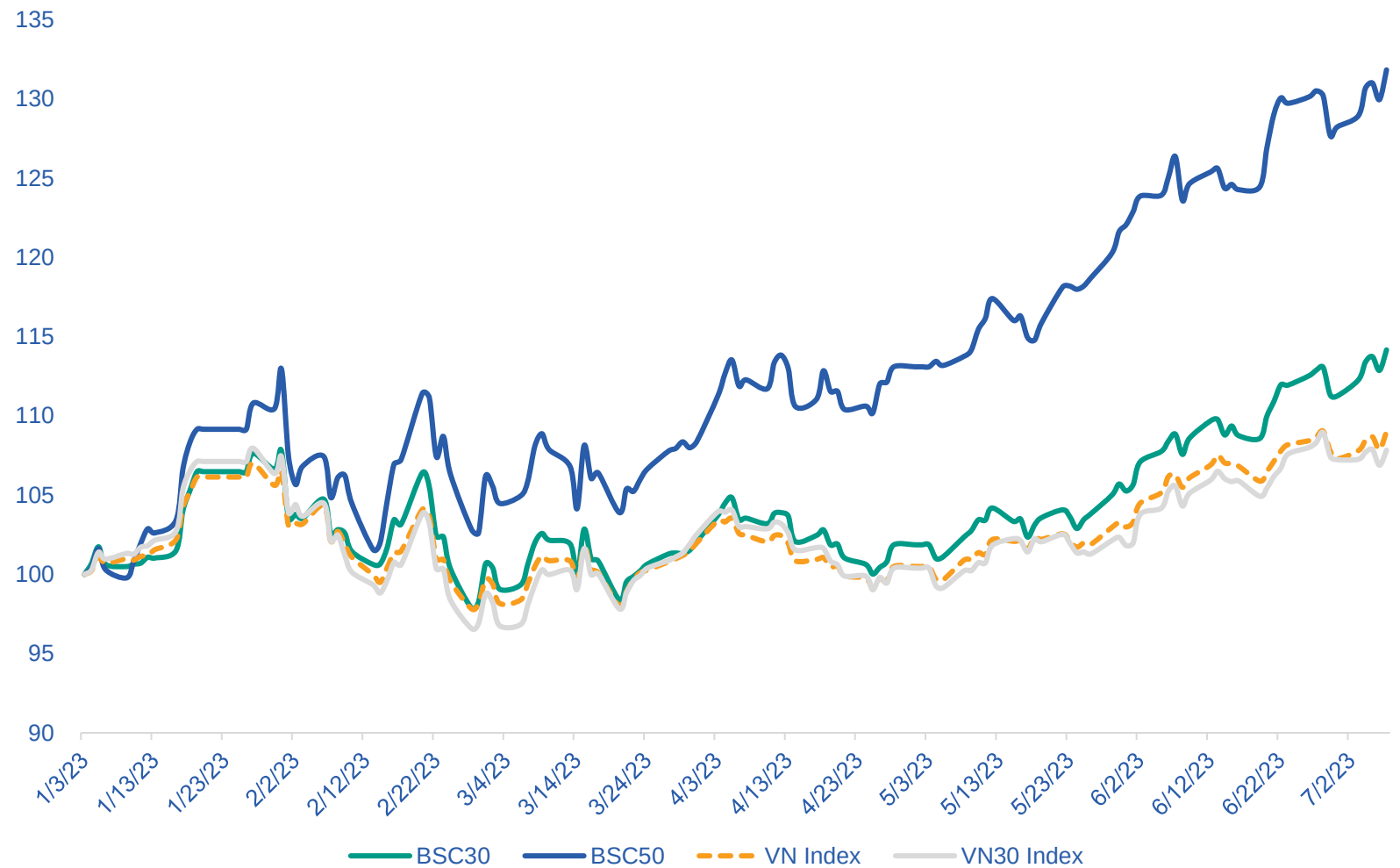
• **BSC50:** Trong tuần 27, BSC50 +1.88%. Các mã diễn biến tích cực: DBC (+14.79%), PTB (+13.56%), DGW (+10.58%).

(Chi tiết danh mục tại trang 11, 12, 13)

Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	105	4.27%	0.86	21,604.97	4.76	7,311.00	14.36	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	44.3	0.80%	0.99	9,743.16	1.68	4,208.00	10.53	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	19.85	1.53%	1.18	5,793.79	7.13	3,972.00	5.00	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	31.55	0.00%	1.47	4,824.73	4.48	14,982.00	2.11		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	20.45	1.24%	1.40	4,031.31	10.49	14,982.00	1.36	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	29.6	1.72%	1.29	2,426.19	12.39	4,640.00	6.38	31,200	30.00%	Link
GVR	BĐS KCN	21.25	2.66%	1.10	3,695.65	3.62	4,603.00	4.62	19,100	23.23%	Link
KBC	BĐS KCN	30.6	1.83%	1.61	1,021.25	10.71	4,880.00	6.27	29,800	29.17%	Link
IDC	BĐS KCN	42.7	0.71%	1.74	612.65	4.45			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	45.5	3.41%	1.71	886.95	3.29	1,217.00	37.39		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.45	1.67%	1.00	6,939.82	26.58	1,916.00	14.33	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	54	-0.92%	0.87	10,223.30	2.88	1,896.00	28.48	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	27	0.19%	1.11	2,667.50	4.80	5,227.00	5.17	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	30.2	0.00%	0.40	941.23	1.99	1,576.00	19.16	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	31.95	-1.69%	1.56	533.54	5.89	2,557.00	12.50	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	67.8	0.44%	1.50	1,119.52	10.12	14,120.00	4.80	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	35.5	1.28%	1.28	604.02	3.46	6,793.00	5.23	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	27.6	1.66%	0.80	635.28	4.44	2,625.00	10.51	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	96	0.84%	0.71	7,988.66	2.81	2,292.00	41.88	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	40.3	0.00%	1.10	2,226.30	2.59	1,340.00	30.07	45,000	20.38%	Link
PVS	Dầu khí	33.2	0.30%	1.14	689.93	6.63	993.00	33.43	33,000	6.25%	Link
PVD	Dầu khí	24.85	-0.60%	1.43	600.59	4.23	7,698.00	3.23	26,000	49.00%	Link
POW	Tiện ích	13.1	-1.13%	1.11	1,333.85	5.75	3,895.00	3.36	14,500	55.81%	Link
VNM	Bán lẻ	70.9	0.57%	1.20	6,442.51	17.78	2,605.00	27.22	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	75.2	-1.05%	1.19	4,654.96	4.67	3,456.00	21.76	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	45.5	5.32%	1.44	2,894.22	14.23	7,475.00	6.09	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	71.8	-1.10%	0.81	1,023.93	4.11	2,965.00	24.22	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	74	3.50%	1.19	590.00	3.77	12,800.00	5.78	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	55.8	4.30%	0.63	731.17	5.84	7,059.00	7.90	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	75.3	0.94%	0.75	4,157.81	2.92	5,901.00	12.76	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	29.6	0.85%	1.19	6,184.79	4.98	3,520.27	8.41	1.27	27.20%	16.13%
ACB	Ngân hàng	21.7	0.00%	1.06	3,664.52	6.70	3,742.40	5.80	1.35	30.00%	26.25%
HDB	Ngân hàng	18.35	0.82%	0.88	2,006.74	1.73	3,148.88	5.83	1.18	19.69%	22.62%
LPB	Ngân hàng	16.1	3.87%	1.50	1,210.37	9.31	2,732.22	5.89	1.10	4.15%	19.91%
VIB	Ngân hàng	19.8	1.02%	1.38	2,177.32	2.15	3,469.03	5.71	1.54	20.50%	29.67%
VND	Chứng khoán	17.7	-1.94%	1.99	937.21	37.77	489.06	36.19	1.47	23.67%	4.76%
TPB	Ngân hàng	18.05	-0.82%	1.12	1,727.80	3.74	2,895.37	6.23	1.18	29.25%	20.89%
SSI	chứng khoán	26.45	0.57%	1.69	1,724.01	16.83	1,119.93	23.62	1.74		7.91%
CII	Xây dựng	18.15	1.97%	1.88	224.13	7.78	217.60	83.41	0.85	8.71%	1.02%
C4G	Xây dựng	14.2	2.16%	2.09	208.11	1.98	790.73	17.96	1.30	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	74	6.47%	1.94	239.42	5.01	183.95	402.27	0.66	48.97%	0.16%
HHV	Xây dựng	15.65	1.95%	1.67	224.10	5.30	903.05	17.33	0.71	4.65%	3.89%
LCG	Xây dựng	14	3.75%	2.13	114.20	7.87	812.23	17.05	1.03	3.25%	6.14%
BCM	KCN	80.1	0.38%	0.99	3,604.50	1.04	1,170.44	68.44	4.89	2.73%	8.07%
HUT	KCN	19.3	1.05%	1.50	292.55	1.19	161.84	119.26	1.73	1.88%	1.44%
PHR	KCN	51	3.34%	1.43	300.45	1.87	6,038.56	8.45	1.97	15.26%	24.10%
SZC	KCN	32.4	2.69%	1.86	169.04	1.78	1,102.80	29.38	2.51	3.13%	8.95%
HSG	Vật liệu	17.2	4.88%	2.05	460.65	16.81	(1,693.61)		1.02	17.53%	-9.56%
HT1	Vật liệu	17.2	2.99%	1.54	285.36	0.80	386.12	44.55	1.31	3.49%	2.89%
NKG	Vật liệu	18.4	5.14%	2.26	210.62	12.01	(2,585.96)		0.92	9.82%	-11.84%
PTB	Vật liệu	54	3.85%	1.07	159.74	2.00	6,016.80	8.97	1.34	15.12%	15.72%
KSB	Vật liệu	31.3	0.97%	1.74	103.83	3.12	1,392.77	22.47	1.22	4.19%	5.58%
NVL	BĐS	14.5	0.69%	0.95	1,229.41	12.16	362.35	40.02	0.76	3.50%	1.93%
DXG	BĐS	14.85	1.71%	2.29	393.87	7.40	(239.59)		0.99	18.81%	-1.63%
HDC	BĐS	28.4	0.35%	1.43	166.83	0.68	2,525.76	11.24	2.05	1.81%	20.89%
DIG	BĐS	20.8	-0.24%	2.56	551.52	14.43	261.72	79.47	1.86	5.54%	2.12%
IJC	BĐS	14.1	1.08%	2.05	154.38	0.99	1,661.89	8.48	0.90	6.38%	11.25%
BSR	Dầu khí	17.5	0.57%	1.41	2,359.08	4.36	4,750.00	3.68	1.06	0.38%	33.16%
PVT	Dầu khí	23.05	-0.43%	1.18	324.35	4.33	2,740.01	8.41	1.21	15.23%	15.37%
PLC	Săm lốp	38.5	0.79%	1.83	135.25	0.46	1,355.49	28.40	2.47	1.26%	8.19%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	22.35	1.59%	1.23	115.44	0.70	2,246.06	9.95	1.42	9.16%	14.36%
REE	Tiện ích	65.2	0.15%	0.80	1,158.59	2.70	6,714.22	9.71	1.68	49.00%	18.57%
GEX	Tiện ích	18.45	-2.38%	1.95	683.05	20.12	9.99	1847.59	1.31	11.55%	0.07%
NT2	Tiện ích	29.75	-0.83%	0.75	372.36	1.31	3,244.99	9.17	1.88	15.60%	20.92%
HDG	Tiện ích	30.35	-0.16%	1.62	403.47	1.31	3,774.53	8.04	1.66	24.81%	22.63%
PC1	Tiện ích	26.4	0.57%	1.35	310.41	1.67	1,257.41	21.00	1.39	6.84%	6.82%
GEG	Tiện ích	14.55	-3.64%	1.10	215.88	1.58	901.85	16.13	1.61	46.69%	5.74%
BCG	Dầu khí	9.29	-0.54%	2.18	215.47	1.94	220.40	42.15	0.74	1.71%	1.50%
SAB	Bán lẻ	151	-1.56%	0.16	4,210.15	1.34	7,649.00	19.74	4.02	62.34%	22.07%
QNS	Bán lẻ	48.5	-1.42%	0.51	752.68	3.76	4,226.00	11.48	1.96	17.48%	17.50%
FRT	Bán lẻ	75.2	0.94%	1.49	445.45	2.30	1,620.00	46.42	5.11	33.38%	11.52%
DGW	Bán lẻ	46	6.98%	1.92	334.15	7.50	3,396.50	13.54	3.03	23.72%	24.73%
DBC	Bán lẻ	24	1.88%	2.01	257.26	8.09	(1,339.12)		1.37	7.41%	-7.20%
PET	Bán lẻ	29.35	4.82%	2.35	126.10	1.39	1,025.57	28.62			4.26%
BAF	Bán lẻ	24.1	1.26%		150.38	3.36	1,408.62	17.11	1.83	0.23%	11.80%
ANV	Thủy sản	37.4	1.36%	1.63	216.48	3.88	4,368.00	8.56	1.64	4.29%	20.07%
VSC	Logistics	38.5	3.22%	0.48	202.99	4.36	2,086.56	18.45	1.77	3.12%	9.43%
HAH	Logistics	48	1.48%	1.21	146.81	4.50	9,072.47	5.29	1.41	4.87%	34.36%
CTR	Công nghệ	74.6	3.61%	1.38	371.01	1.54	4,040.07	18.47	4.88	10.67%	29.32%
TNG	Dệt may	20.1	2.03%	1.67	99.21	1.88	2,665.32	7.54	1.40	19.02%	19.35%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký